

PHỤ LỤC 1. MÔ HÌNH THAM CHIẾU NGHIỆP VỤ TỈNH ĐỒNG NAI (TỔNG QUÁT)

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
	BRM001	Kinh tế - Xã hội	BRM001		BRM001	DN.BRM001			
			BRM001.001	Hỗ trợ doanh nghiệp	BRM001.001	DN.BRM001.001			
1					BRM001.001.001		DN.BRM001.001.001	Bảo vệ người tiêu dùng.	Sở Công Thương
2					BRM001.001.003		DN.BRM001.001.002	Đăng ký thành lập, cấp giấy phép hoạt động.	Ban QLKCNS Sở Công Thương Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở NNPTNT Sở TNMT Sở Xây dựng UBND Huyện
3					BRM001.001.004		DN.BRM001.001.003	Hoạt động của doanh nghiệp.	Sở Công Thương Sở GTVT Sở KHĐT
4					BRM001.001.005		DN.BRM001.001.004	Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Sở Công Thương Sở GTVT
5					BRM001.001.006		DN.BRM001.001.005	Hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.	Sở Công Thương Sở KHĐT Sở NNPTNT Sở TTTT Sở Y tế

STT	Mã miền nghịệp vụ	Miền nghịệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghịệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									UBND Huyện
6					BRM001.001.007		DN.BRM001.001.006	Hỗ trợ và phát triển các ngành kinh tế.	Ban Dân tộc Sở Công Thương Sở KHCN Sở NNPTNT
7					BRM001.001.010		DN.BRM001.001.007	Quản lý cạnh tranh.	Sở Công Thương
8					BRM001.001.011		DN.BRM001.001.008	Ưu đãi thuế.	Sở Công Thương
			BRM001.002	Quản lý kinh tế	BRM001.002	DN.BRM001.002			
1					BRM001.002.003		DN.BRM001.002.001	Chính sách tiền tệ quốc tế.	Sở Tài chính
2					BRM001.002.004		DN.BRM001.002.002	Dịch vụ thuế.	Sở Công Thương Sở Tài chính
3					BRM001.002.005		DN.BRM001.002.003	Đầu tư nước ngoài.	Sở Công Thương Sở KHĐT Sở Tài chính
4					BRM001.002.006		DN.BRM001.002.004	Đầu tư tài chính.	Sở Tài chính
5					BRM001.002.007		DN.BRM001.002.005	Đầu tư vốn nhà nước.	Ban QLKC Sở KHCN Sở KHĐT Sở Tài chính
6					BRM001.002.008		DN.BRM001.002.006	Giá hàng hóa, dịch vụ.	Ban QLKC Sở Công Thương Sở Tài chính
7					BRM001.002.009		DN.BRM001.002.007	Quản lý hệ thống tài chính.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công

STT	Mã miền nghịệp vụ	Miền nghịệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghịệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện
			BRM001.003	Thương mại	BRM001.003	DN.BRM001.003			
1					BRM001.003.001		DN.BRM001.003.001	Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan quyền tác giả.	Sở VH TTDL
2					BRM001.003.002		DN.BRM001.003.002	Bảo hộ tài sản trí tuệ.	Sở TTTT
3					BRM001.003.004		DN.BRM001.003.003	Kiểm soát nhập khẩu.	Sở Công Thương
4					BRM001.003.005		DN.BRM001.003.004	Kiểm soát xuất khẩu.	Sở Công Thương
5					BRM001.003.006		DN.BRM001.003.005	Quản lý, giám sát hàng hóa lưu thông trên thị trường.	Sở Công Thương
6					BRM001.003.008		DN.BRM001.003.006	Xúc tiến thương mại.	Sở Công Thương

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
			BRM001.004	Du lịch	BRM001.004	DN.BRM001.004			
1					BRM001.004.001		BRM001.004.001	Phát triển ngành du lịch	Sở VH TTDL
2					BRM001.004.002		BRM001.004.002	Xúc tiến du lịch	Sở VH TTDL
	BRM002	Xã hội	BRM002		BRM002	DN.BRM002			
			BRM002.001	Chăm sóc sức khỏe	BRM002.001	DN.BRM002.001			
1					BRM002.001.001		DN.BRM002.001.001	An toàn vệ sinh thực phẩm.	Sở Công Thương Sở NNPTNT Sở Y tế
2					BRM002.001.002		DN.BRM002.001.002	Bảo hiểm y tế.	Sở Y tế
3					BRM002.001.003		DN.BRM002.001.003	Dân số và sức khỏe sinh sản.	Sở Y tế
4					BRM002.001.005		DN.BRM002.001.004	Dịch vụ khám chữa bệnh.	Sở Y tế
5					BRM002.001.006		DN.BRM002.001.005	Dịch vụ cho người có nhu cầu đặc biệt.	Sở Y tế
6					BRM002.001.008		DN.BRM002.001.006	Nghiên cứu y học.	Sở Y tế
7					BRM002.001.010		DN.BRM002.001.007	Y tế công cộng.	Sở Y tế
8					BRM002.001.011		DN.BRM002.001.008	Y tế dự phòng.	Sở Y tế
			BRM002.002	Báo chí	BRM002.002	DN.BRM002.002			
1					BRM002.002.002		DN.BRM002.002.001	Quản lý hoạt động báo chí.	Sở TTTT
			BRM002.003	Dịch vụ cộng đồng và trợ giúp xã hội	BRM002.003	DN.BRM002.003			
1					BRM002.003.001		DN.BRM002.003.001	Bình đẳng giới.	Sở LĐTBXH

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
2					BRM002.003.005		DN.BRM002.003.002	Gia đình, Thanh niên và Trẻ em.	Sở LĐTBXH Sở Nội vụ Sở VH TTDL
3					BRM002.003.006		DN.BRM002.003.003	Phòng chống tệ nạn xã hội.	Sở LĐTBXH
4					BRM002.003.007		DN.BRM002.003.004	Phát triển cộng đồng.	Sở LĐTBXH
5					BRM002.003.008		DN.BRM002.003.005	Người có công.	Sở LĐTBXH
			BRM002.004	Giáo dục và Đào tạo	BRM002.004	DN.BRM002.004			
1					BRM002.004.002		DN.BRM002.004.001	Giáo dục đại học.	Sở GDĐT
2					BRM002.004.003		DN.BRM002.004.002	Giáo dục hòa nhập.	Sở GDĐT
3					BRM002.004.004		DN.BRM002.004.003	Giáo dục mầm non (nhóm trẻ, nhà trẻ và mẫu giáo).	Sở GDĐT
4					BRM002.004.005		DN.BRM002.004.004	Giáo dục phổ thông, thường xuyên.	Sở GDĐT
5					BRM002.004.006		DN.BRM002.004.005	Giáo dục quốc phòng và an ninh.	Sở GDĐT
6					BRM002.004.007		DN.BRM002.004.006	Giáo dục nghề nghiệp.	Sở GDĐT
7					BRM002.004.008		DN.BRM002.004.007	Giáo dục nghệ thuật, thể chất.	Sở GDĐT
8					BRM002.004.011		DN.BRM002.004.008	Phát triển đội ngũ nhà giáo.	Sở GDĐT
9					BRM002.004.012		DN.BRM002.004.009	Kiểm định, phát triển chương trình giáo dục.	Sở GDĐT
			BRM002.005	Giao thông vận tải	BRM002.005	DN.BRM002.005			

STT	Mã miền nghịệp vụ	Miền nghịệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghịệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
1					BRM002.005.002		DN.BRM002.005.001	Đường bộ.	Sở GTVT
2					BRM002.005.003		DN.BRM002.005.002	Đường sắt.	Sở GTVT
3					BRM002.005.005		DN.BRM002.005.003	Thủy nội địa.	Sở GTVT
4					BRM002.005.006		DN.BRM002.005.004	Phát triển hạ tầng giao thông.	Sở GTVT
5					BRM002.005.008		DN.BRM002.005.005	Vận chuyển hành khách.	Sở GTVT
			BRM002.006	Hạ tầng đô thị	BRM002.006	DN.BRM002.006			
1					BRM002.006.002		DN.BRM002.006.001	Cung cấp nước.	Sở Xây dựng
2					BRM002.006.003		DN.BRM002.006.002	Duy trì mạng lưới giao thông.	Sở Xây dựng
3					BRM002.006.004		DN.BRM002.006.003	Phát triển vùng đô thị.	Sở Xây dựng
4					BRM002.006.005		DN.BRM002.006.004	Quản lý chất thải.	Sở Xây dựng
5					BRM002.006.006		DN.BRM002.006.005	Quản lý đất công và công trình công cộng.	Ban QLKC Sở Xây dựng
6					BRM002.006.007		DN.BRM002.006.006	Quản lý đô thị.	Sở Xây dựng
7					BRM002.006.008		DN.BRM002.006.007	Nhà ở xã hội.	Sở Xây dựng
8					BRM002.006.009		DN.BRM002.006.008	Các tiện ích công cộng và dịch vụ thiết yếu.	Sở Xây dựng
			BRM002.008	Hội, Tổ chức phi Chính phủ	BRM002.008	DN.BRM002.007			
1					BRM002.008.002		DN.BRM002.007.001	Quản lý hoạt động của hội, tổ chức phi chính phủ.	Sở Công Thương Sở KHCN Sở Ngoại giao Sở Nội vụ

STT	Mã miền nghịệp vụ	Miền nghịệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghịệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
			BRM002.009	Lao động - Việc làm	BRM002.009	DN.DN.BRM002. 008			
1					BRM002.009.001		DN.BRM002.008.001	An toàn, vệ sinh lao động.	Ban QLKC Sở Công Thương Sở LĐTBXH Sở Xây dựng
2					BRM002.009.003		DN.BRM002.008.002	Bảo hiểm thất nghịệp.	Sở LĐTBXH
3					BRM002.009.004		DN.BRM002.008.003	Bảo hiểm xã hội.	Sở LĐTBXH
4					BRM002.009.005		DN.BRM002.008.004	Dịch vụ việc làm.	Sở LĐTBXH
5					BRM002.009.006		DN.BRM002.008.005	Phát triển nguồn nhân lực.	Sở Công Thương Sở LĐTBXH
6					BRM002.009.007		DN.BRM002.008.006	Quan hệ lao động.	Ban QLKC Sở LĐTBXH
7					BRM002.009.008		DN.BRM002.008.007	Thị trường lao động.	Ban QLKC
			BRM002.010	Môi trường	BRM002.010	DN.BRM002.009			
1					BRM002.010.006		DN.BRM002.009.001	Hoạt động trợ giúp cộng đồng.	Ban QLKC Sở GTVT
2					BRM002.010.007		DN.BRM002.009.002	Phòng chống ô nhiễm môi trường.	Sở Công Thương
3					BRM002.010.009		DN.BRM002.009.003	Quản lý chất lượng môi trường.	Sở TNMT
4					BRM002.010.010		DN.BRM002.009.004	Thông tin môi trường, khí tượng, thủy văn.	Sở TNMT
			BRM002.011	Quốc tịch, hộ tịch và cư trú	BRM002.011	DN.BRM002.010			
1					BRM002.011.006		DN.BRM002.010.001	Quản lý hộ tịch.	Sở Tư pháp

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
			BRM002.012	Tài nguyên thiên nhiên	BRM002.012	DN.BRM002.011			
1					BRM002.012.001		DN.BRM002.011.001	Địa chất và khoáng sản.	Sở Công Thương Sở TNMT
2					BRM002.012.002		DN.BRM002.011.002	Quản lý đất đai.	Sở TNMT
3					BRM002.012.004		DN.BRM002.011.003	Tài nguyên nước.	Sở TNMT
			BRM002.013	Thể thao, vui chơi và giải trí	BRM002.013	DN.BRM002.012			
1					BRM002.013.002			Phát triển thể dục - thể thao.	Sở VH TTDL
			BRM002.014	Tín ngưỡng, Tôn giáo	BRM002.014	DN.BRM002.013			
1					BRM002.014.003		DN.BRM002.013.001	Quản lý hoạt động tín ngưỡng, các cơ sở tín ngưỡng.	Sở Nội vụ
			BRM002.015	Truyền thông	BRM002.015	DN.BRM002.014			
1					BRM002.015.001		DN.BRM002.014.001	Dịch vụ bưu chính.	Sở TTTT
2					BRM002.015.002		DN.BRM002.014.002	Hạ tầng truyền thông.	Sở TTTT
3					BRM002.015.004		DN.BRM002.014.003	Thương mại điện tử.	Sở Công Thương
4					BRM002.015.005		DN.BRM002.014.004	Thông tin vô tuyến.	Sở TTTT
5					BRM002.015.006		DN.BRM002.014.005	Thông tin điện tử.	Sở TTTT
6					BRM002.015.008		DN.BRM002.014.006	Viễn thông.	Sở TTTT
7					BRM002.015.009		DN.BRM002.014.007	Xuất bản.	Sở TTTT
			BRM002.016	Văn hóa	BRM002.016	DN.BRM002.015			
1					BRM002.016.002		DN.BRM002.015.001	Điện ảnh.	Sở VH TTDL

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
2					BRM002.016.004		DN.BRM002.015.002	Mỹ thuật, nhiếp ảnh.	Sở VH TTDL
3					BRM002.016.005		DN.BRM002.015.003	Nghệ thuật biểu diễn.	Sở VH TTDL
4					BRM002.016.006		DN.BRM002.015.004	Phát triển văn học, nghệ thuật.	Sở VH TTDL
5					BRM002.016.008		DN.BRM002.015.005	Văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động.	Sở VH TTDL
6					BRM002.016.011		DN.BRM002.015.006	Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quảng cáo.	Sở TTTT Sở VH TTDL
7					BRM002.006.013		DN.BRM002.015.007	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
	BRM003	Đối ngoại, Quốc phòng và An ninh, trật tự an toàn xã hội	BRM003		BRM003	DN.BRM003			
			BRM003.001	An ninh, trật tự an toàn xã hội	BRM003.001	DN.BRM003.001			Sở Tư pháp
1					BRM003.001.001		DN.BRM003.001.001	An toàn giao thông.	Sở GTVT
2					BRM003.001.008		DN.BRM003.001.002	Thực thi pháp luật.	Sở Công Thương Sở GTVT Sở KHCN Sở VH TTDL
			BRM003.002	Quan hệ quốc tế	BRM003.002	DN.BRM003.002			Sở Tư pháp
1					BRM003.002.001		DN.BRM003.002.001	Các điều ước, thỏa thuận quốc tế.	Sở Công Thương Sở Ngoại giao

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
2					BRM003.002.002		DN.BRM003.002.002	Dịch vụ Lãnh sự.	Sở Ngoại giao
3					BRM003.002.004		DN.BRM003.002.003	Đại diện ngoại giao tại Việt Nam.	Sở TTTT
4					BRM003.002.006		DN.BRM003.002.004	Người Việt Nam ở nước ngoài.	Sở Ngoại giao
5					BRM003.002.007		DN.BRM003.002.005	Tham vấn quốc tế.	Sở Ngoại giao
6					BRM003.002.008		DN.BRM003.002.006	Xúc tiến, quảng bá ra nước ngoài.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở TNMT Sở TTTT Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh VP UBND
			BRM003.004	Tư pháp	BRM003.004	DN.BRM003.003			
1					BRM003.004.001		DN.BRM003.003.001	Hoạt động tổ tụng.	Sở Tư pháp
2					BRM003.004.003		DN.BRM003.003.002	Lý lịch tư pháp.	Sở Tư pháp
3					BRM003.004.004		DN.BRM003.003.003	Pháp luật Dân sự.	Sở Tư pháp
4					BRM003.004.005		DN.BRM003.003.004	Pháp luật hành chính.	Sở Tư pháp
5					BRM003.004.007		DN.BRM003.003.005	Thi hành án dân sự.	Sở Tư pháp
6					BRM003.004.008		DN.BRM003.003.006	Trợ giúp pháp lý.	Sở Công Thương

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở Tư pháp
	BRM004	Hỗ trợ hoạt động của CQNN	BRM004		BRM004	DN.BRM004			
			BRM004.001	Kế hoạch và ngân sách	BRM004.001	DN.BRM004.001			
1					BRM004.001.002		DN.BRM004.001.001	Dự toán ngân sách.	Sở GDĐT Sở Tài chính
2					BRM004.001.005		DN.BRM004.001.002	Kế hoạch đấu thầu, mua sắm.	Sở KHĐT
3					BRM004.001.007		DN.BRM004.001.003	Phân bổ ngân sách.	Ban QLKC Sở KHĐT Sở Tài chính
4					BRM004.001.008		DN.BRM004.001.004	Quy hoạch.	Sở KHĐT Sở Xây dựng
			BRM004.002	Khoa học và công nghệ	BRM004.002	DN.BRM004.002			
1					BRM004.002.001		DN.BRM004.002.001	Đo đạc và bản đồ.	Sở TNMT
2					BRM004.002.002		DN.BRM004.002.002	Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐT BXH Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Y tế

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Thanh tra tỉnh UBND Huyện VP UBND
3					BRM004.002.003		DN.BRM004.002.003	Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.	Sở KHCN
4					BRM004.002.004		DN.BRM004.002.004	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.	Sở KHCN
5					BRM004.002.005		DN.BRM004.002.005	Tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.	Sở GTVT Sở KHCN
6					BRM004.002.007		DN.BRM004.002.006	Viễn thám.	Sở TNMT
			BRM004.003	Phổ biến, cung cấp thông tin, chính sách, pháp luật	BRM004.003	DN.BRM004.003			
1					BRM004.003.003		DN.BRM004.003.001	Thông tin cho người dân.	Sở Công Thương Sở Y tế
2					BRM004.003.004		DN.BRM004.003.002	Tiếp nhận góp ý, xử lý phản ánh, kiến nghị.	Ban Dân tộc
3					BRM004.003.005		DN.BRM004.003.003	Truyền thông chính phủ.	Sở Tư pháp Sở Y tế
			BRM004.004	Quản trị	BRM004.004	DN.BRM004.004			
1					BRM004.004.001		DN.BRM004.004.001	Địa giới hành chính.	Sở Nội vụ
2					BRM004.004.002		DN.BRM004.004.002	Hành chính công.	Sở Công Thương Sở GDĐT Sở KHCN Sở LĐT BXH Sở Ngoại giao

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở TTTT Sở Tư pháp Sở Y tế VP UBND
3					BRM004.004.004		DN.BRM004.004.003	Quan hệ giữa các CQNN.	Ban Dân tộc Ban QLKCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện VP UBND
4					BRM004.004.005		DN.BRM004.004.004	Thi đua - Khen thưởng.	Ban Dân tộc Ban QLKCN Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh VP UBND
5					BRM004.004.006		DN.BRM004.004.005	Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán.	Ban Dân tộc Ban QL KCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện
6					BRM004.004.008		DN.BRM004.004.006	Xây dựng văn bản pháp luật.	Ban Dân tộc Ban QL KCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT

STT	Mã miền nghịệp vụ	Miền nghịệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghịệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện VP UBND
7					BRM004.004.009		DN.BRM004.004.007	Xây dựng quy chế, quy định.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh VP UBND

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
			BRM004.005	Thống kê	BRM004.005	DN.BRM004.005			
					BRM004.005.002		DN.BRM004.005.	Điều tra thống kê.	Sở KHCN
					BRM004.005.005		DN.BRM004.005.	Tổng hợp và phân tích thống kê.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở KHCN Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở Xây dựng Sở Y tế
			BRM004.006	Thu ngân sách	BRM004.006	DN.BRM004.006			
1					BRM004.006.008		DN.BRM004.006.001	Bán tài sản công.	Sở Tài chính Sở Tư pháp
			BRM004.007	Trao đổi thông tin, phổ biến hướng dẫn kiến thức	BRM004.007	DN.BRM004.007			
1					BRM004.007.004		DN.BRM004.007.001	Hướng dẫn, cung cấp thông tin.	Ban Dân tộc Sở Công Thương Sở Tư pháp Sở Xây dựng
2					BRM004.007.006		DN.BRM004.007.002	Phân tích và báo cáo.	Ban QLKC Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở Nội vụ Sở TTTT Sở VH TTDL Sở Xây dựng Thanh tra tỉnh UBND Huyện
	BRM005	Quản lý nguồn lực	BRM005		BRM005	DN.BRM005			
			BRM005.001	Quản lý hành chính	BRM005.001	DN.BRM005.001			
1					BRM005.001.001		DN.BRM005.001.001	Cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Sở Tài chính
2					BRM005.001.003		DN.BRM005.001.002	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, giải đáp thông tin.	Ban Dân tộc Sở Công Thương Sở GTVT Sở TTTT Sở VH TTDL Sở Xây dựng
3					BRM005.001.005		DN.BRM005.001.003	Kế hoạch hoạt động.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở KHCN Sở LĐT BXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở Xây dựng VP UBND
4					BRM005.001.006		DN.BRM005.001.004	Nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
5					BRM005.001.007		DN.BRM005.001.005	Trụ sở làm việc.	Sở Xây dựng
			BRM005.002	Quản lý công nghệ thông tin	BRM005.002	DN.BRM005.002			
1					BRM005.002.001		DN.BRM005.002.001	Bảo trì và cung cấp giải pháp CNTT.	Sở TTTT
2					BRM005.002.002		DN.BRM005.002.002	Hỗ trợ dịch vụ CNTT.	Sở TTTT
3					BRM005.002.003		DN.BRM005.002.003	Quản lý dịch vụ CNTT.	Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT
4					BRM005.002.004		DN.BRM005.002.004	Quản lý hạ tầng và vận hành hệ thống.	Sở TNMT Sở TTTT Sở Xây dựng
			BRM005.004	Quản lý nguồn	BRM005.004	DN.BRM005.003			

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
				lực					
1					BRM005.004.001		DN.BRM005.003.001	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế VP UBND
2					BRM005.004.002		DN.BRM005.003.002	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ
3					BRM005.004.003		DN.BRM005.003.003	Quản lý hiệu quả lao động.	Sở Y tế
4					BRM005.004.004		DN.BRM005.003.004	Quản lý vị trí việc làm và tổ chức bộ máy.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
5					BRM005.004.006		DN.BRM005.003.005	Tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh VP UBND
6					BRM005.004.007		DN.BRM005.003.006	Tiền lương.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VHTTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
7					BRM005.004.008		DN.BRM005.003.007	Tinh giản biên chế.	Ban Dân tộc Ban QLKCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VHTTDL Sở Xây dựng

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
8					BRM005.004.009		DN.BRM005.003.008	Thu hút nhân lực.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐT BXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
			BRM005.005	Quản lý tài chính	BRM005.005	DN.BRM005.004			
1					BRM005.005.001		DN.BRM005.004.001	Báo cáo tài chính.	Sở Tài chính
2					BRM005.005.002		DN.BRM005.004.002	Đo lường hiệu quả.	Ban QLKC
3					BRM005.005.003		DN.BRM005.004.003	Kế toán.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
4					BRM005.005.004		DN.BRM005.004.004	Mua sắm công.	Ban Dân tộc Ban QLKCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
5					BRM005.005.005		DN.BRM005.004.005	Quản lý nguồn lực tài chính.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
6					BRM005.005.006		DN.BRM005.004.006	Quản lý tiền công quỹ.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao

STT	Mã miền nghịệp vụ	Miền nghịệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghịệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
7					BRM005.005.007		DN.BRM005.004.007	Quản lý tài sản và nợ phải trả.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
8					BRM005.005.008		DN.BRM005.004.008	Thanh toán.	Ban Dân tộc Ban QLKCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐT BXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VHTTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
			BRM005.006	Quản lý thông tin	BRM005.006	DN.BRM005.005			
1					BRM005.006.001		DN.BRM005.005.001	Quản lý bảo mật thông tin.	Ban Dân tộc Ban QLKCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐT BXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
2					BRM005.006.002		DN.BRM005.005.002	Quản lý hồ sơ, văn bản.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
3					BRM005.006.003		DN.BRM005.005.003	Quản lý quyền thông	Ban Dân tộc Ban QLKC

STT	Mã miền nghiệp vụ	Miền nghiệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghiệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
								tin.	Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH-TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
4					BRM005.006.004		DN.BRM005.005.004	Quản lý thư viện.	Ban Dân tộc Ban QLKC Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp

STT	Mã miền nghịệp vụ	Miền nghịệp vụ	Mã nhóm nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Tên nhóm nghịệp vụ	Mã loại nghiệp vụ theo KT CPĐT VN 2.0	Mã nhóm nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Mã loại nghiệp vụ tỉnh Đồng Nai	Tên loại nghiệp vụ	Đơn vị thực hiện
									Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND
5					BRM005.006.007		DN.BRM005.005.005	Quản lý tri thức.	Ban Dân tộc Ban QL KCN Sở Công Thương Sở GDĐT Sở GTVT Sở KHCN Sở KHĐT Sở LĐTBXH Sở Ngoại giao Sở NNPTNT Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở TNMT Sở TTTT Sở Tư pháp Sở VH TTDL Sở Xây dựng Sở Y tế Thanh tra tỉnh UBND Huyện UBND Xã VP UBND

